

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

NGUYỄN NGỌC DUNG

PHÁT TRIỂN ĐẶC KHU KINH TẾ Ở TRUNG QUỐC
VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

Chuyên ngành: Kinh tế chính trị
Mã số: 60 31 01

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SỸ KINH TẾ CHÍNH TRỊ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
PGS.TS. NGUYỄN NGỌC HỒI

HÀ NỘI-2008

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài:

Từ khi bắt đầu thực hiện chính sách mở cửa nền kinh tế vào tháng 12 năm 1978, Đảng và Chính phủ Trung Quốc đã quyết định chọn việc xây dựng các ĐKKT làm điểm đột phá cho toàn bộ chiến lược mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế. Từ năm 1980, Trung Quốc đã lần lượt xây dựng các ĐKKT là Thâm Quyển, Chu Hải, Sán Đầu, Hạ Môn và Hải Nam. Có thể nói, mô hình khu kinh tế tự do mang tính tổng hợp như ĐKKT đã trở thành một địa chỉ thực sự hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài và sự hiện diện của nó trong thời gian qua đã góp phần không nhỏ vào thành công chung của nền kinh tế Trung Quốc.

Cho đến nay, ở nước ta có nhiều loại hình khu kinh tế đã và đang hoạt động như KCN, KCX, KCNC, khu kinh tế mở... Các khu kinh tế này trong thời gian qua đã đóng vai trò tích cực trong việc thu hút nguồn lực từ bên ngoài, phục vụ cho phát triển kinh tế. Song do hạn chế về cơ sở hạ tầng, cơ chế hoạt động và thể chế kinh tế áp dụng còn nhiều bất cập và chưa thực sự thông thoáng, các khu kinh tế này chưa trở thành môi trường hấp dẫn đối với các nhà đầu tư và chưa phát huy tối đa vai trò của mình. Do đó, hình thành và phát triển các ĐKKT sẽ là giải pháp mang tính đột phá, giúp nước ta khai thác tối đa các lợi thế về địa kinh tế, địa chính trị trong việc thu hút nguồn lực từ bên ngoài cho phát triển kinh tế.

Trong chiến lược xây dựng và phát triển các ĐKKT, sự thành công và những kinh nghiệm trong việc xây dựng ĐKKT của các quốc gia đi trước, đặc biệt là của Trung Quốc sẽ là bài học quý báu đối với Việt Nam.

Xuất phát từ những lý do trên, vấn đề “*Phát triển đặc khu kinh tế ở Trung Quốc và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*” được chọn làm đề tài nghiên cứu của luận văn.

2. Tình hình nghiên cứu:

Vào thập niên 90, trước những thành công của Trung Quốc trong việc sử dụng các ĐKKT như một công cụ nhằm thu hút tối đa nguồn lực từ bên ngoài để phát triển kinh tế, nhiều nhà nghiên cứu trong nước đã công bố các đề tài, bài viết về ĐKKT của Trung Quốc.

Năm 1993, Viện Thông tin khoa học xã hội thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam đã xuất bản cuốn *“Một số vấn đề về đặc khu kinh tế”*; trong đó, tập trung các bài tổng thuật, lược thuật và dịch từ tài liệu nước ngoài về kinh nghiệm xây dựng ĐKKT của Trung Quốc và một số nước trên thế giới. Năm 1994, Viện Kinh tế Việt Nam xuất bản cuốn sách *“Kinh nghiệm thế giới về phát triển khu chế xuất và đặc khu kinh tế”* với nội dung chủ yếu là giới thiệu về hoàn cảnh ra đời, thành tựu và các chính sách áp dụng đối với ĐKKT ở Trung Quốc. Gần đây nhất, có luận án tiến sĩ kinh tế với đề tài *“Chính sách khuyến khích đầu tư vào đặc khu kinh tế Trung Quốc và kinh nghiệm đối với Việt Nam”* của tác giả Nguyễn Thái Sơn, bảo vệ năm 2004 với nội dung chủ đạo là nghiên cứu những chính sách thu hút đầu tư của Chính phủ Trung Quốc vào các ĐKKT, từ đó rút ra một số bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam. Ngoài ra, còn có một số bài viết trên các báo và tạp chí bàn về từng khía cạnh của mô hình này.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu trên tập trung bàn về các thành tựu mà Trung Quốc đạt được trong chiến lược phát triển các ĐKKT và xem ĐKKT là mô hình có tác dụng to lớn đối với các nước đang phát triển trong điều kiện hội nhập. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu đó chưa quan tâm đến những vấn đề mà Trung Quốc phải đối mặt khi phát triển mạnh các ĐKKT. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu toàn diện ĐKKT với tư cách là một loại hình khu kinh tế đặc biệt, cũng như các vấn đề liên quan đến điều kiện và khả năng của Việt Nam trong việc hình thành các ĐKKT chưa được đề cập một cách có hệ thống.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu:

- *Mục đích:* trên cơ sở phân tích, đánh giá thực tiễn phát triển ĐKKT ở Trung Quốc, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm và các đề xuất đối với việc hình thành và phát triển các đặc khu kinh tế ở Việt Nam.

- *Nhiệm vụ:*

+ Khái quát quá trình hình thành và phát triển khu kinh tế nói chung và ĐKKT nói riêng.

+ Phân tích vai trò của khu kinh tế nói chung và ĐKKT nói riêng đối với các nền kinh tế đang phát triển.

+ Phân tích, đánh giá thực tiễn phát triển của các ĐKKT ở Trung Quốc

+ Phân tích điều kiện, khả năng của Việt Nam trong việc hình thành và phát triển các ĐKKT.

+ Phân tích điểm tương đồng và khác biệt giữa Việt Nam và Trung Quốc trong phát triển ĐKKT.

+ Từ bài học kinh nghiệm của Trung Quốc và thực tiễn Việt Nam, đề xuất một số giải pháp nhằm xây dựng và phát triển các ĐKKT ở Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

- *Đối tượng nghiên cứu:*

Luận văn lấy đối tượng nghiên cứu là các ĐKKT ra đời trong bối cảnh Trung Quốc thực hiện cải cách, mở cửa nền kinh tế.

- *Phạm vi nghiên cứu:*

Luận văn tập trung nghiên cứu thực tiễn phát triển các ĐKKT ở Trung Quốc, từ đó rút ra các bài học thành công cũng như những vấn đề đặt ra trong chiến lược phát triển mô hình này. Trên cơ sở đó đề xuất một số kiến nghị đối với việc hình thành và phát triển các ĐKKT ở Việt Nam.

Luận văn không đề cập đến góc độ tổ chức- kỹ thuật của việc xây dựng và vận hành ĐKKT ở Trung Quốc cũng như các ĐKKT ở Việt Nam.

5. Phương pháp nghiên cứu:

- Luận văn được thực hiện dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

- Luận văn sử dụng một số phương pháp cụ thể như: phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, kết hợp logic với lịch sử...trong quá trình nghiên cứu.

6. Dự kiến đóng góp mới của luận văn:

- Góp phần khẳng định vai trò của các mô hình khu kinh tế nói chung và mô hình ĐKKT nói riêng đối với phát triển kinh tế, đặc biệt là đối với các nước đang phát triển trong thời kỳ hội nhập.

- Khái quát thực tiễn phát triển của các ĐKKT ở Trung Quốc, rút ra các bài học thành công cũng như những vấn đề mà Trung Quốc phải đối mặt trong chiến lược phát triển mô hình này. Trên cơ sở đó, cùng với việc phân tích khả năng và điều kiện cụ thể của Việt Nam, đề xuất một số kiến nghị đối với chiến lược xây dựng và phát triển các ĐKKT ở nước ta.

7. Bố cục của luận văn: Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Phát triển đặc khu kinh tế-Cơ sở lý luận và thực tiễn

Chương 2: Thực tiễn phát triển các đặc khu kinh tế ở Trung Quốc và các bài học kinh nghiệm

Chương 3: Vận dụng kinh nghiệm của Trung Quốc trong việc xây dựng và phát triển các đặc khu kinh tế ở Việt Nam.

Chương 1

PHÁT TRIỂN ĐẶC KHU KINH TẾ-CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

1.1. Đặc khu kinh tế và vai trò của nó

1.1.1. Khu kinh tế và đặc khu kinh tế- quá trình hình thành và phát triển

1.1.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của khu kinh tế

Lịch sử hình thành và phát triển của khu kinh tế khởi đầu từ các khu thương mại tự do xuất hiện vào thế kỷ XVIII như “cảng tự do”, “khu quá

cảnh” ở Singapore, Malaixia, Philippin, Hồng Kông....Ban đầu, đó là những khu có vai trò thúc đẩy xuất khẩu và thường nằm ở biên giới một quốc gia, nơi giao nhau của các tuyến đường lưu thông hàng hóa trên thế giới.

Đến cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, các khu kinh tế tự do phát triển không ngừng, ngày càng đa dạng, phong phú, chuyển dần từ hoạt động thương mại thuần túy sang sản xuất mang tính chất công nghiệp như KCN, KCX, KCNC và mang tính tổng hợp (gồm hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nghiên cứu khoa học - kỹ thuật...) như ĐKKT, khu khai phát kinh tế-kỹ thuật và các thành phố mở cửa...

Khu kinh tế có quá trình phát triển lâu dài với loại hình ngày càng đa dạng (KCN, KCX, KCNC, ĐKKT....), song nhìn chung, một cách khái quát, có thể nói *khu kinh tế là một khu vực có ranh giới địa lý xác định của một quốc gia, hoạt động theo các cơ chế ưu đãi đặc biệt so với các vùng, lãnh thổ khác của quốc gia đó nhằm mục tiêu thu hút đầu tư nước ngoài và khuyến khích xuất khẩu.*

1.1.1.2. Các loại hình khu kinh tế

Cùng với sự phát triển không ngừng về số lượng, nội dung và hình thức, các khu kinh tế được mở rộng mạnh mẽ cả về không gian và phạm vi hoạt động. Các khu kinh tế dù rất đa dạng về loại hình, song đều có chung một bản chất là hướng ngoại với các mức độ và hình thức khác nhau. Có khu kinh tế chỉ hoạt động thương mại thuần túy, có khu bao hàm cả hoạt động thương mại và sản xuất công nghiệp, có khu hoạt động mang tính tổng hợp (bao gồm công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ...Sau đây là một số loại hình chủ yếu của khu kinh tế:

- Các khu kinh tế hoạt động thương mại

Đây là các khu kinh tế xuất hiện đầu tiên trên thế giới, đã từng tồn tại từ rất lâu với các tên gọi: khu thương mại tự do (khu mậu dịch tự do), cảng tự do...

- Các khu hoạt động công nghiệp, bao gồm các KCX, KCN, KCNC...
- Các khu kinh tế hoạt động tổng hợp

Các khu kinh tế hoạt động tổng hợp bao gồm ĐKKT, khu khai phát kinh tế-kỹ thuật, các thành phố mở cửa...

Đặc khu kinh tế là mô hình ra đời đầu tiên ở Trung Quốc vào đầu thập niên 80, sau này được áp dụng ở các nước đang phát triển như Ấn Độ, Nga, Phillipin... Đặc khu kinh tế được xây dựng theo hướng kinh doanh tổng hợp (gồm các hoạt động công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, du lịch, tài chính, ngân hàng, y tế, giáo dục...) trong một khu vực tương đối rộng lớn với một thể chế kinh tế mang tính quốc tế và một thể chế hành chính tự chủ tương đối cao.

Khu khai phát kinh tế-kỹ thuật và thành phố mở cửa là kết quả của sự nhân rộng theo kiểu “vết dầu loang” các kinh nghiệm thành công của ĐKKT ở Trung Quốc.

1.1.1.3. Đặc khu kinh tế – Một hình thức tổ chức đặc biệt của khu kinh tế

Xét theo nghĩa rộng, tất cả các khu vực địa lý được áp dụng những chính sách kinh tế đặc biệt đều có thể được gọi là ĐKKT. Song theo nghĩa hẹp, ĐKKT là một hình thức tổ chức tiêu biểu của loại hình khu kinh tế hoạt động tổng hợp, theo mô hình “khu trong khu”, trong đó có cả các khu thương mại tự do, khu chế xuất, khu du lịch, khu đô thị... và các công trình hạ tầng đặc biệt như sân bay, cảng biển và có cả dân cư sinh sống; hoạt động dựa trên thể chế kinh tế mang tính quốc tế và thể chế hành chính có tính tự chủ cao. Quan điểm nghiên cứu của tác giả luận văn đi theo nghĩa hẹp về ĐKKT.

Đặc khu kinh tế ra đời đầu tiên ở Trung Quốc, khi Trung Quốc bắt đầu thực hiện chính sách mở cửa nền kinh tế vào tháng 12 năm 1978.

Cho đến nay có rất nhiều quan niệm khác nhau về ĐKKT. Một cách khái quát, có thể nhận diện các ĐKKT thông qua các *đặc trưng* sau:

- Về vị trí địa lý: ĐKKT là một khu vực có ranh giới xác định, thường nằm ở các vùng ven biển, biên giới, hải đảo, nơi “cửa ngõ” giao lưu kinh

tế với bên ngoài.

- Về môi trường kinh doanh: ĐKKT được áp dụng những cơ chế, chính sách ưu đãi so với các vùng còn lại của quốc gia nhằm thu hút các nhà đầu tư nước ngoài phục vụ cho phát triển kinh tế của nước sở tại.

- Về môi trường xã hội: trong ĐKKT có thể có cả khu đô thị và đông dân cư sinh sống

- Về thể chế hành chính: ĐKKT có tính tự chủ tương đối cao về hành chính.

- Về cơ cấu kinh tế: ĐKKT có một cơ cấu kinh tế đa ngành, hướng ngoại và mang tính tổng hợp, bao gồm: công nghiệp, nông nghiệp, thương mại, tài chính, du lịch, dịch vụ...

- Về mục tiêu thành lập: ĐKKT có vị trí đặc biệt trong chiến lược quy hoạch, phát triển kinh tế của một quốc gia. Bên cạnh mục tiêu thu hút đầu tư nước ngoài và khuyến khích xuất khẩu, ĐKKT còn được coi là nơi thử nghiệm các chính sách kinh tế mới trước khi áp dụng rộng rãi ra các vùng khác.

Từ những đặc trưng trên, một cách khái quát, có thể định nghĩa *ĐKKT* là một khu vực có ranh giới địa lý xác định, được vận hành theo cơ chế chuyên biệt (các chính sách ưu đãi đầu tư cao nhất, thể chế hành chính và kinh tế thông thoáng, theo thông lệ quốc tế); có cơ cấu kinh tế mang tính tổng hợp; cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh, hiện đại; có dân cư sinh sống; được thành lập nhằm mục tiêu thử nghiệm các chính sách kinh tế mới, thu hút đầu tư và khuyến khích xuất khẩu của nước sở tại.

1.2.2. Vai trò của ĐKKT đối với các nước đang phát triển

- ĐKKT góp phần thu hút đầu tư, nâng cao trình độ công nghệ và kỹ năng quản lý.

- ĐKKT góp phần tạo công ăn việc làm cho người lao động

- ĐKKT góp phần thúc đẩy nền kinh tế hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới

- ĐKKT góp phần tạo đà phát triển cho nền kinh tế quốc dân, là

nơi thử nghiệm các chính sách kinh tế mới

1.2. Cơ sở hình thành các ĐKKT ở Trung Quốc

1.2.1. Tình hình kinh tế – xã hội Trung Quốc trước cải cách

1.2.1.1. Điều kiện tự nhiên

Trung Quốc là một đất nước rộng lớn với diện tích 9,6 triệu km², chiếm 1/5 diện tích lục địa, đứng thứ 3 trên thế giới (sau Nga, Canada). Trung Quốc có đường bờ biển dài, dọc bờ biển có nhiều hải cảng lớn, thuận lợi cho giao lưu, hợp tác kinh tế với bên ngoài.

Về dân số, Trung Quốc đứng đầu thế giới với hơn 1,3 tỷ người (năm 2005) chiếm 21% tổng dân số toàn thế giới, trong đó người Hán chiếm 93%. Đây là nguồn lao động phong phú, đồng thời là thị trường tiêu thụ hàng hóa hấp dẫn và tiềm năng đối với các nhà đầu tư.

1.2.1.2. Tình hình kinh tế-xã hội Trung Quốc trước cải cách

Thời kỳ trước cải cách mở cửa (trước năm 1978), Trung Quốc xây dựng mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung, kinh tế còn lạc hậu, mang nặng tính chất tự cấp, tự túc.

Do duy trì một thể chế kinh tế kế hoạch hoá, tập trung cao độ, trong khi trình độ của lực lượng sản xuất còn lạc hậu; chế độ phân phối bình quân được áp dụng trong điều kiện nền sản xuất còn thấp; áp dụng chính sách “bế quan tỏa cảng” trong một thời gian dài đã khiến Trung Quốc rơi vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng vào thời kỳ này.

1.2.2. Đường lối cải cách của Trung Quốc và sự ra đời của các đặc khu kinh tế

1.2.2.1. Sự đổi mới về tư duy nhận thức và cơ chế chính sách

Trước những hậu quả nghiêm trọng do duy trì thể chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung, đóng cửa với bên ngoài, từ năm 1978, Đảng và Chính phủ Trung Quốc đã đưa ra nhiều biện pháp nhằm cải cách nền kinh tế.

Đặc biệt đối về kinh tế đối ngoại, Hội nghị Trung ương 3 khoá XI

của Đảng cộng sản Trung Quốc (tháng 12 năm 1978) đã xác lập đường lối xây dựng kinh tế làm trung tâm, thực hiện cải cách mở cửa, đẩy mạnh công cuộc hiện đại hoá XHCN.

Vào tháng 7 năm 1979 Luật liên doanh đầu tư giữa Trung Quốc và nước ngoài được Quốc hội Trung Quốc thông qua, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động đầu tư nước ngoài. Năm 1980, 4 ĐKKT ra đời ở ven biển phía Bắc là Thâm Quyển, Chu Hải, Hạ Môn và Sán Đầu. Vào tháng 10 năm 1982, quyết định mở cửa của Trung Quốc với các nước trên thế giới chính thức được đưa vào Hiến pháp Trung Quốc do Quốc hội khoá VI thông qua. Năm 1984, trước những thành công của các ĐKKT, Trung Quốc ra quyết định mở cửa 14 tỉnh ven biển và đảo Hải Nam. Vào năm 1985, ba “tam giác phát triển” là đồng bằng sông Dương Trạch, đồng bằng sông Ngọc ở Quảng Đông và vùng Mãn Nam ở Phúc Kiến đã được hình thành, mở cửa đón các nhà đầu tư nước ngoài. Đến 1990, Trung Quốc áp dụng các chính sách mở cửa, thu hút đầu tư nước ngoài đến vùng đất mới là Phố Đông của Thượng Hải.

Có thể nói, trong ba mươi năm qua, Trung Quốc đã tuần tự hình thành cục diện mở cửa, từ ĐKKT đến thành phố mở cửa ven biển, thành phố mở cửa ven sông, nội địa và biên giới.

1.2.2.2. Sự ra đời của các đặc khu kinh tế

Quyết định liên quan đến việc thành lập ĐKKT ở Trung Quốc được Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc thông qua vào tháng 7 năm 1979 theo ý tưởng của Đặng Tiểu Bình. Ngay sau đó, vào tháng 9/1979, Chính phủ Trung Quốc đã bắt tay vào công tác chuẩn bị thành lập ĐKKT Thâm Quyển và Chu Hải, tiếp đó là Sán Đầu. Vào tháng 10/1980, Quốc vụ viện Trung Quốc quyết định thành lập ĐKKT Hạ Môn, thuộc tỉnh Phúc Kiến.

Năm 1984, Chính phủ Trung Quốc đã quyết định cho áp dụng cơ chế ĐKKT tại tỉnh Hải Nam, biến nơi đây thành ĐKKT lớn nhất thế giới với diện tích 34.500 km².

Sự ra đời của các ĐKKT Trung Quốc đã mang lại diện mạo mới cho nền kinh tế Trung Quốc sau cải cách. Có lẽ vì vậy mà các ĐKKT Trung Quốc không ngừng được mở rộng về qui mô như ĐKKT Chu Hải từ 6,1 km² mở rộng thành 15,2 km², Sán Đầu từ 1,6 km² lên 52,6 km², Hạ Môn 2,5 km² lên 131 km². Đến nay, tổng diện tích của cả 5 ĐKKT đã lên đến trên 35.000 km² với dân số trên 10 triệu người

Chương 2

THỰC TIỄN PHÁT TRIỂN CÁC ĐẶC KHU KINH TẾ Ở TRUNG QUỐC VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

2.1. Tình hình phát triển các đặc khu kinh tế ở Trung Quốc

- Đặc khu kinh tế Thâm Quyển

Thâm Quyển là một trong hơn 20 thành phố thuộc tỉnh Quảng Đông có diện tích khoảng 2000 km² với 6 quận và 18 thị trấn, trong đó diện tích của ĐKKT Thâm Quyển là gần 400 km² với 6 triệu dân. Về vị trí địa lý, Thâm Quyển chỉ cách Hồng Kông một con sông Thâm Quyển và cách trung tâm Hồng Kông khoảng 40km. Thâm Quyển là nơi tập trung của đông đảo Hoa Kiều

Thâm Quyển được coi là thử nghiệm đầu tiên trong chính sách cải tổ của nhà lãnh đạo Trung Quốc Đặng Tiểu Bình và có thể nói sự thử nghiệm này đã mang lại những thành công đáng kể. Hiện nay, với mức thu nhập bình quân đầu người vào khoảng 8.000 USD, Thâm Quyển được đánh giá là thành phố giàu nhất Trung Quốc.

- Đặc khu kinh tế Chu Hải

Chu Hải là một thành phố cấp hai trực thuộc tỉnh Quảng Đông với diện tích tự nhiên là 1653 km², dân số khoảng 2 triệu người (2006). Năm 1980, cùng với sự ra đời của ĐKKT Thâm Quyển, ĐKKT Chu Hải được thành lập. Đặc khu kinh tế Chu Hải nằm sát Macao, trên bờ Tây của cửa

sông Ngọc, cách Hồng Kông khoảng 60 dặm về phía Tây.

Năm 2005, tốc độ tăng trưởng ĐKKT Chu Hải là 13,8% với GDP đạt 54,62 tỉ NDT. Với sự đóng góp của ĐKKT Chu Hải, năm 2006, GDP của toàn thành phố đạt 10 tỉ USD, GDP đầu người đạt khoảng 5000 USD /năm, kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 25 tỉ USD. Bên cạnh sự phát triển của các ngành công nghệ cao, nhờ sở hữu 146 hòn đảo và đường bờ biển dài 690 km với những chính sách bảo tồn thiên nhiên hợp lý, Chu Hải còn được mệnh danh là thành phố “biển ngọc” với doanh thu từ du lịch lên đến hàng tỉ USD mỗi năm.

- Đặc khu kinh tế Sán Đầu

Sán Đầu cũng là một thành phố duyên hải phía đông của tỉnh Quảng Đông với diện tích 2064 km² và là quê hương của 13 triệu Hoa kiều, hiện định cư ở trên 40 nước, đặc biệt là ở Singapore và Thái Lan. Ngoài ra, có khoảng 800.000 người gốc Sán Đầu đang sinh sống và làm việc tại Hồng Kông, Ma Cao và Đài Loan.

Là một trong những ĐKKT đầu tiên của Trung Quốc, ĐKKT Sán Đầu được thành lập năm 1981. Mặc dù không phát triển bùng nổ như Chu Hải và Thâm Quyến, song nhờ chính sách mở cửa, Sán Đầu cũng giành được nhiều thành tựu đáng kể với tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đạt 7 tỉ USD, tổng giá trị sản lượng công nghiệp đạt 11,2 tỉ USD, kim ngạch xuất khẩu đạt 2 tỉ USD (số liệu 2004). Năm 2005, Sán Đầu thu hút trên 5 tỉ USD vốn đầu tư nước ngoài với sự có mặt của 500 tập đoàn kinh tế hàng đầu thế giới.

- Đặc khu kinh tế Hạ Môn

Hạ Môn là thành phố ven biển thuộc phía Đông Nam tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc với diện tích 1565 km² và dân số khoảng 2 triệu người (năm 2000). Hạ Môn là hòn đảo lớn thứ tư của tỉnh Phúc Kiến, cách Hồng Kông 287 hải lý.

Sau 20 năm hình thành và phát triển, tốc độ tăng trưởng bình quân của

thành phố đạt 18,78%. Năm 1999, GDP của Hạ Môn đạt 43,83 tỉ NDT, gấp 25,33 lần so với năm 1980. Tính đến năm 2000, Hạ Môn đã phê duyệt 1.375 dự án đầu tư nước ngoài với giá trị 16,79 triệu USD. Với sự đóng góp của ĐKKT Hạ Môn, năm 2000, GDP của thành phố Hạ Môn đạt 50.115 tỉ NDT; kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 10,049 tỷ USD, trong đó xuất khẩu đạt 5,880 tỉ USD.

- Đặc khu kinh tế Hải Nam

Đặc khu kinh tế Hải Nam trải rộng trên toàn bộ đảo Hải Nam, là hòn đảo lớn thứ hai Trung Quốc (sau Đài Loan) với diện tích 34.500 km². Hải Nam có đường biển gần nhất nối Trung Quốc với Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Đại Dương và Nam Á, là đầu mối giao thông đường không, đường biển và đường bộ. Hải Nam là quê hương của đông đảo người Hoa và Hoa Kiều sống ở 50 quốc gia và khu vực trên thế giới.

Bên cạnh những thành tích về thu hút đầu tư nước ngoài, hiện nay Hải Nam được biết đến như một ĐKKT du lịch nổi tiếng. Năm 2007, Hải Nam đón 18,4 triệu lượt khách du lịch, trong đó có 750.000 khách nước ngoài, mang lại nguồn doanh thu 17,1 tỉ NDT (2,4 tỷ USD), chiếm 14% GDP của tỉnh.

2.2. Đánh giá chung về đặc khu kinh tế ở Trung Quốc

2.2.1. Về vị trí địa lý của các đặc khu kinh tế

Các ĐKKT của Trung Quốc được lựa chọn xây dựng ở những địa điểm có vị trí rất đặc biệt, tạo thuận lợi cho chiến lược mở rộng giao lưu kinh tế với biên ngoài. Thâm Quyên và Sán Đầu tiếp giáp với Hồng Kông, Chu Hải giáp với Macao và Hạ môn gần với Đài Loan. Riêng đối với ĐKKT Hải Nam, tuy không nằm kề các khu vực có lợi thế về vốn và công nghệ như 4 ĐKKT trên nhưng ĐKKT Hải Nam lại nằm trọn trên một tỉnh, với vị trí biển đảo hết sức thuận lợi cho giao lưu kinh tế với nước ngoài, đồng thời mở rộng các hoạt động du lịch nói riêng và các dịch vụ quốc tế nói chung.

2.2.2. Chế độ, chính sách áp dụng đối với đặc khu kinh tế

- Về quản lý hành chính đối với các đặc khu kinh tế

Nhà nước Trung Quốc đã và đang chủ trương trao quyền tự chủ cho các ĐKKT. Các đặc khu này có quyền đề ra những ưu đãi riêng đối với các nhà đầu tư với điều kiện những ưu đãi đó nằm trong khuôn khổ pháp luật của nhà nước. Với cơ chế này, các ĐKKT phải cạnh tranh với nhau trong việc thu hút đầu tư và cạnh tranh chính là cơ sở cho sự tồn tại của các ĐKKT Trung Quốc.

- Các chính sách ưu đãi về thuế và tài chính

+ Về chính sách thuế

Chính sách ưu đãi về thuế cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động tại các ĐKKT thường tập trung ở các nhóm thuế: thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất nhập khẩu, thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài. Ví dụ, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong ĐKKT được hưởng mức thuế ưu đãi 15% và được miễn thuế lợi nhuận địa phương. Trong khi đó, các doanh nghiệp liên doanh ngoài ĐKKT chịu mức thuế là 33% (30% thuế thu nhập doanh nghiệp và 3% thuế địa phương)...

+ Các chính sách tài chính khác: Các ĐKKT là nơi đầu tiên mở cửa toàn diện thị trường tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng, xóa bỏ chế độ 2 giá, hình thành thị trường lao động và thị trường chứng khoán...

-Các chính sách liên quan đến cơ sở hạ tầng:

Nhìn chung, hệ thống đường sá, điện nước, thông tin liên lạc, các công trình phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong các ĐKKT được huy động vốn đầu tư xây dựng tương đối đồng bộ và hiện đại, tạo môi trường thuận lợi cho nhà đầu tư.

- Chính sách đất đai

Cùng với việc hạ giá thuê đất tại ĐKKT, tạo sự cạnh tranh với các khu vực khác về thu hút đầu tư, Trung Quốc còn cho phép doanh nghiệp

có vốn đầu tư nước ngoài được phép mua quyền sử dụng đất trong một thời gian nhất định.

- *Chính sách về lao động và tiền lương:*

Các doanh nghiệp trong ĐKKT có toàn quyền tuyển dụng lao động trong và ngoài ĐKKT, có thể thông qua các trung tâm giới thiệu việc làm hoặc tuyển dụng trực tiếp.

Ở giai đoạn đầu thành lập ĐKKT, hệ thống tiền lương được áp dụng theo nguyên tắc “thấp hơn so với Hồng Kông và cao hơn so với nội địa”. Đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Nhà nước chỉ qui định mức lương tối thiểu, các doanh nghiệp tự trả lương theo thỏa thuận phù hợp với giá cả thị trường và tuân theo nguyên tắc trên.

2.2.3. Đóng góp của các đặc khu kinh tế đối với kinh tế Trung Quốc

2.2.3.1. Các đặc khu kinh tế Trung Quốc đã thực hiện tốt vai trò là nơi thử nghiệm các chính sách kinh tế mới

Trong hơn 20 năm hình thành và phát triển, các ĐKKT của Trung Quốc đã tiến hành những thăm dò chủ yếu về cải cách cơ chế quản lý kinh tế, bao gồm:

- Cải cách cơ chế đầu tư và quản lý xây dựng cơ bản
- Cải cách chính sách ngân sách và cấp phát vốn
- Thử nghiệm cơ chế thị trường xã hội chủ nghĩa; hình thành và phát triển các loại thị trường: thị trường đất đai, thị trường lao động; thị trường tư liệu sản xuất, thị trường chứng khoán...
- Cải cách chế độ tiền lương, lao động và quản lý nhân sự theo hướng thị trường
- Thử nghiệm chính sách “một nhà nước, hai chế độ”, tạo tiền đề cho việc tiếp nhận và quản lý thành công Hồng Kông và Macao
- Thử nghiệm các chính sách khuyến khích đầu tư, trước khi áp dụng vào nội địa

2.2.3.2. Thành công của các đặc khu kinh tế Trung Quốc trong thu hút FDI, tăng kim ngạch xuất khẩu và đóng góp vào phát triển kinh tế đất nước

Trong những năm qua, Trung Quốc được đánh giá là quốc gia thành công nhất trong việc sử dụng các ĐKKT như một công cụ thu hút đầu tư nước ngoài, tạo đà phát triển kinh tế đất nước.

Trong giai đoạn đầu thành lập (1984-1980), đầu tư nước ngoài vào 4 ĐKKT là Thâm Quyển, Sán Đầu, Hạ Môn và Chu Hải đạt 4 tỉ USD. Riêng năm 1985, 4 ĐKKT này đã kí 701 hợp đồng đầu tư, trị giá 1,74 tỉ, số vốn sử dụng thực tế là 530 triệu USD, trong đó riêng Thâm Quyển thu hút 324 triệu USD.

Các ĐKKT không chỉ là nhân tố quan trọng thúc đẩy mạnh mẽ việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài mà còn góp phần đẩy mạnh kim ngạch xuất khẩu, tạo thế và lực cho Trung Quốc trong hội nhập kinh tế quốc tế. Năm 1997, xuất khẩu của 5 đặc khu này đạt 23,18 tỷ USD, tăng 31% so với năm 1996 - cao hơn nhiều so với mức trung bình của cả nước; nhập khẩu của các đặc khu này đạt mức tăng trưởng 7%.

Sau hơn 20 năm cải cách và mở cửa nền kinh tế, cùng với sự đóng góp của các ĐKKT, kinh tế Trung Quốc liên tục tăng trưởng cao, Trung Quốc trở thành quốc gia đứng đầu thế giới về thu hút đầu tư nước ngoài.

2.3. Bài học kinh nghiệm của Trung Quốc về phát triển các đặc khu kinh tế

2.3.1. Bài học thành công:

2.3.1.1. Sự kiên định và nhất quán trong chính sách phát triển kinh tế

Từ khi bắt đầu thực hiện, chính sách phát triển ĐKKT vẫn khó tránh khỏi không ít dư luận không đồng tình. ĐKKT được dư luận khi đó coi là “tế bào lạ”, là “quái thai” trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Khi các cuộc biểu tình của giới bảo thủ diễn ra tại quảng trường Thiên An Môn tìm cách ngăn cản những cải cách kinh tế ở các ĐKKT, ngay lập tức Đặng Tiểu

Bình đã thực hiện chuyển thanh sát miền Nam nhằm khẳng định cam kết nhất quán của Chính phủ đối với chính sách phát triển ĐKKT. Chuyển đi này cũng chính là tiền đề cho việc Chính phủ tiếp tục đưa ra các chính sách và sáng kiến thân thiện hơn với thị trường tại các ĐKKT, tạo tâm lý yên tâm đối với các nhà đầu tư.

2.3.1.2. Lựa chọn bước đi trong chiến lược phát triển đặc khu kinh tế

Không phải ngay từ đầu, Trung Quốc đã vạch ra được một mô hình ĐKKT đầy đủ và hoàn thiện. Xuất phát từ chủ trương cải cách, mở cửa nền kinh tế, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã áp dụng các biện pháp mang tính thử nghiệm, từ đó tìm hiểu, bổ sung và hoàn thiện cơ sở lý luận và thực tiễn trước khi triển khai mở rộng. Các chính sách được áp dụng thử nghiệm tại các ĐKKT, nếu thành công sẽ mở rộng ra phạm vi toàn quốc; nếu thất bại, phạm vi ảnh hưởng cũng đã được khoanh vùng.

Trung Quốc cũng không ngay lập tức “mở toang” nền kinh tế mà mở cửa có mức độ, phát triển và thử nghiệm các ĐKKT từ nơi có điều kiện thuận lợi đến các nơi khác; từ số lượng ít đến nhiều; vừa làm, vừa tìm hiểu và đúc rút kinh nghiệm.

2.3.1.3. Lựa chọn địa điểm và đối tác ưu tiên

Trong quá trình phát triển các ĐKKT, Trung Quốc cũng đồng thời chỉ rõ những đối tượng ưu tiên trước hết trong chính sách khuyến khích thu hút đầu tư chính là hơn 60 triệu người Hoa và Hoa Kiều đang sinh sống tại Hồng Kông, Đài Loan, Ma Cao. Sau nữa là những nhà đầu tư có khả năng đem đến cho Trung Quốc nguồn vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến trên toàn cầu. Chiến lược này đã đem lại những kết quả: Hồng Kông, Đài Loan và Macao đã trở thành đối tác đầu tư quan trọng đối với các ĐKKT Trung Quốc trong hơn hai thập kỷ qua.

2.3.1.4. Trao quyền tự chủ cho các đặc khu kinh tế

Ngay từ khi thành lập ĐKKT, Chính phủ Trung Quốc đã xác định tư

tưởng chỉ đạo là không có tiền cho ĐKKT mà chỉ cho ĐKKT cơ chế theo phương châm “không cho cá, mà cho cần câu cá”. Với chủ trương đó, Chính phủ Trung Quốc đã mở rộng dần quyền tự chủ đối với chính quyền ĐKKT.

Cơ chế tự chủ là yếu tố cơ bản, tạo điều kiện cho các ĐKKT phát huy tối đa tính sáng tạo, linh hoạt và chủ động, đạt thành tựu đáng khích lệ, đặc biệt là trong thu hút đầu tư nước ngoài.

2.3.2. Những vấn đề đặt ra:

Sau hơn hai thập kỷ phát triển, các ĐKKT đã đạt được những thành tựu đáng kể về kinh tế, góp phần không nhỏ vào thành công chung của công cuộc cải cách kinh tế ở Trung Quốc. Tuy nhiên, quá trình phát triển của các ĐKKT cũng đặt Trung Quốc trước một số vấn nạn như buôn lậu, trốn thuế; ĐKKT là “cửa ngõ” truyền bá lối sống thực dụng, sa hoa, lãng phí được vào nội địa; môi trường sống bị ô nhiễm; an ninh quốc gia bị ảnh hưởng...

Mặc dù còn một số mặt hạn chế, song một cách khách quan có thể cho rằng. Trung Quốc đã thu được những thành công đáng kể trong chiến lược thành lập các ĐKKT, tạo tiền đề cho sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế Trung Quốc trong thời gian qua.

Chương 3

VẬN DỤNG KINH NGHIỆM CỦA TRUNG QUỐC TRONG VIỆC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CÁC ĐẶC KHU KINH TẾ Ở VIỆT NAM

3.1. Khả năng hình thành và phát triển các đặc khu kinh tế ở Việt Nam

3.1.1.. Điều kiện tự nhiên

Việt Nam nằm trên bán đảo Đông Dương, ven biển Thái Bình Dương. Việt Nam có ba mặt Đông, Nam và Tây-Nam trông ra biển với đường bờ biển dài 3.260 km, từ Móng Cái ở phía Bắc đến Hà Tiên ở phía Tây Nam. Với đường bờ biển dài và gần 3000 hòn đảo lớn nhỏ, Việt Nam có lợi thế về vị trí, địa lý và điều kiện tự nhiên trong việc mở cửa, hội nhập với bên ngoài.

Với dân số trên 80 triệu người, trong đó 52,7% người trong độ tuổi

lao động, Việt Nam có lợi thế trong việc thu hút đầu tư nước ngoài là chi phí nhân công thấp so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

3.1.2. Điều kiện kinh tế-xã hội

Trong suốt thời kỳ đổi mới từ năm 1986 đến nay, kinh tế Việt Nam luôn đạt được nhịp độ tăng trưởng nhanh và liên tục. Sau 20 năm đổi mới, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của Việt Nam là 7%/năm, mức thâm hụt ngân sách và tỉ lệ lạm phát ở mức một con số, tỉ lệ tích lũy, đầu tư của nền kinh tế tăng lên hai lần.

Thành tựu nổi bật của Việt Nam trong công cuộc đổi mới không thể không kể đến, đó là lĩnh vực kinh tế đối ngoại. Môi trường chính trị-xã hội ổn định là lợi thế nổi bật của Việt Nam trong việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại. Kết quả là kim ngạch xuất nhập khẩu và dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam không ngừng tăng lên.

3.2. Sự cần thiết xây dựng và phát triển các đặc khu kinh tế ở Việt Nam

3.2.1. Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội Việt Nam đến năm 2010

Tại Đại hội IX, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã tổng kết đánh giá 10 năm thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế – xã hội 1991-2000; đồng thời, đưa ra Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cho 10 năm đầu của thế kỷ XXI. Theo đó, mục tiêu tổng quát của Chiến lược 10 năm 2001 - 2010 là: đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Để đạt được các mục tiêu cụ thể trên, bên cạnh phát huy nội lực, chúng ta phải nỗ lực hơn nữa trong việc thu hút các nguồn lực từ bên ngoài, phục vụ cho phát triển kinh tế.

3.2.2. Thực trạng thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam hiện nay

Qua số liệu đầu tư nước ngoài trên thế giới, cho thấy 70 -75% dòng

vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài di chuyển trong nội bộ các nước phát triển, chỉ có 25 - 30% di chuyển đến các nước đang phát triển và kém phát triển. Trong khi đó, dòng FDI vào Việt Nam chỉ chiếm khoảng 0,2-0,3 tổng vốn FDI toàn cầu và 1% so với tổng vốn FDI vào các nước phát triển. Với số dân tương đồng với Việt Nam, tỉnh Quảng Đông thu hút đầu tư từ Nhật nhiều hơn gấp đôi, khoảng 20 tỷ yên. Năm 2001 Việt Nam thu hút số vốn đầu tư từ Nhật chỉ bằng 1/33 của Trung Quốc, 1/12 của Thái Lan và bằng 1/5 của Malaysia... Bằng phép so sánh, cho thấy chúng ta chưa khai thác tối đa nguồn lực từ bên ngoài, kết quả thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài chưa tương xứng với tiềm năng của nước ta.

Nguyên nhân của thực trạng trên là do môi trường đầu tư ở Việt Nam chưa thực sự hấp dẫn, xuất phát từ cơ chế chính sách còn chồng chéo, không thông thoáng; thủ tục hành chính còn nhiều bất cập; chất lượng cơ sở vật chất và nguồn nhân lực chưa đảm bảo...

3.2.3. Thực trạng phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế ven biển

3.2.3.1. Thực trạng phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất

Tính đến cuối tháng 5/2008, các KCN cả nước đã thu hút được trên 3200 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư gần 31,5 tỉ USD và 3.100 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 195 nghìn tỉ đồng.

Nhìn chung, sự xuất hiện của các KCN, KCX bước đầu đã mang lại một số kết quả nhất định như thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH, giải quyết việc làm... Song bên cạnh những kết quả bước đầu, vấn đề quy hoạch phát triển KCN còn bộc lộ nhiều vấn đề bất cập:

- Nhiều KCN, KCX chưa được lấp đầy gây lãng phí quỹ đất và vốn đầu tư cơ sở hạ tầng.

- Các KCN được xây dựng chưa gắn liền với quy hoạch đô thị và dân cư dẫn đến đời sống của người lao động gặp nhiều khó khăn.

- Tình hình đầu tư phát triển các KCN không theo quy hoạch tổng thể, không dựa trên việc xem xét các yếu tố vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng của địa phương,... dẫn đến tình trạng cạnh tranh gay gắt giữa các KCN, làm cho hiệu quả hoạt động của các KCN bị giảm sút.

- Việc quy hoạch phát triển các KCN trong nhiều trường hợp còn mang tính phong trào, không quan tâm đến vấn đề xã hội (đời sống nhân dân, môi trường sinh thái...)

3.2.3.2. Thực trạng phát triển các khu kinh tế mở ven biển

Tính đến nay, chúng ta đang xây dựng và đưa vào hoạt động 13 khu kinh tế mở ven biển. Các khu kinh tế này đều được thành lập vào những năm gần đây, trong đó Chu Lai và khu kinh tế Dung Quất là hai khu kinh tế được thành lập sớm nhất, kết quả hoạt động của hai khu kinh tế này có thể được đưa ra xem xét, đánh giá.

Bên cạnh những kết quả bước đầu về thu hút đầu tư nước ngoài, khu kinh tế Chu Lai và Dung Quất còn bộc lộ một số hạn chế về phân cấp quản lý, công tác giải phóng mặt bằng, tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng.

Nhìn chung, do nhiều lý do, các KCN, KCX và các khu kinh tế mở ở nước chưa thực sự là môi trường hấp dẫn các nhà đầu tư và chưa phát huy tối đa vai trò của mình. Trong đó, phải kể đến lý do xuất phát từ vấn đề cơ chế và thể chế hoạt động chưa thực sự thông thoáng và tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư. Vì vậy, xây dựng mới và phát triển các ĐKKT là giải pháp mang tính đột phá, giúp nước ta tạo ra môi trường đầu tư thực sự hấp dẫn trong một không gian xác định, khi chưa có điều kiện áp dụng trên phạm vi cả nước.

3.3. Những điểm tương đồng và khác biệt giữa Việt Nam và Trung Quốc – Cơ sở để Việt Nam vận dụng những bài học kinh nghiệm của Trung Quốc

3.3.1. Những điểm tương đồng

- Về điều kiện tự nhiên: Việt Nam và Trung Quốc đều là các quốc gia có đường bờ biển dài; có vị trí địa kinh tế và địa chính trị địa kinh tế quan trọng trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương.

- Trung Quốc và Việt Nam đều thực hiện cải cách và đổi mới từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường.

- Hai nước đều tích cực mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại

3.3.2. Một số điểm khác biệt giữa Việt Nam và Trung Quốc

- Về thời điểm mở cửa, hội nhập: Trung Quốc mở rộng quan hệ kinh tế và chính trị với các nước phương Tây sớm hơn Việt Nam (ngay từ thập niên 70)

- Tiềm lực kinh tế của Kiều bào: Trung Quốc hiện có khoảng 50 triệu người Hoa và Kiều bào sinh sống ở nhiều quốc gia trên thế giới. Con số này ở Việt Nam khiêm tốn hơn, khoảng 3 triệu người hiện đang sinh sống ở gần 100 quốc gia và vùng lãnh thổ.

- Về phương thức mở cửa nền kinh tế

Trung Quốc thực hiện mở cửa nền kinh tế theo phương châm "dò đá qua sông", tức là bắt đầu từ một số ĐKKT mang tính thử nghiệm, sau đó mở rộng sang 14 thành phố ven biển, đến "tam giác kinh tế" rồi tiến sâu vào nội địa. Khác với Trung Quốc, khái niệm về các khu kinh tế còn tương đối mới mẻ đối với Việt Nam trong giai đoạn đầu cải cách mở cửa

Những điểm tương đồng và khác biệt giữa Việt Nam và Trung Quốc được nêu trên đây chỉ mang tính tương đối. Song đó là cơ sở quan trọng để xem xét khả năng vận dụng những kinh nghiệm của Trung Quốc, từ đó đưa ra các kiến nghị đối với Việt Nam trong chiến lược xây dựng và

phát triển các ĐKKT.

3.4. Một số đề xuất đối với việc thành lập các đặc khu kinh tế ở Việt Nam trên cơ sở vận dụng kinh nghiệm của Trung Quốc

3.4.1. Vấn đề lựa chọn địa điểm, số lượng và quy mô xây dựng đặc khu kinh tế

Vận dụng bài học lựa chọn của bước đi trong chiến lược phát triển ĐKKT của Trung Quốc vào điều kiện thực tiễn của nước ta là nguồn vốn đầu tư có hạn, việc lựa chọn số lượng ĐKKT cũng cần phải thận trọng, phù hợp với chiến lược phát triển các vùng kinh tế trọng điểm. Trên cơ sở khảo sát điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội của các địa phương trên cả nước, có thể thí điểm lựa chọn xây dựng một ĐKKT với quy mô phù hợp trước khi áp dụng mô hình này tại các địa phương khác. Điều này sẽ giúp chúng ta tránh được tình trạng đầu tư dàn trải, mất cân đối và rút ra được những kinh nghiệm cần thiết trong công cuộc mở cửa, hội nhập kinh tế nói chung và phát triển các ĐKKT nói riêng.

Với những lợi thế đặc biệt về điều kiện tự nhiên, luận văn đề xuất thí điểm vận dụng mô hình ĐKKT tại đảo Phú Quốc thuộc tỉnh Kiên Giang.

3.4.2. Tạo môi trường đầu tư hấp dẫn dựa trên thể chế kinh tế theo hướng tự do hóa

Mục tiêu chung của các quốc gia cho việc thành lập các ĐKKT là tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài và thúc đẩy ngoại thương. Để đạt được mục tiêu này, các nguồn lực hiện có trong nước cần phải tập trung cho việc xây dựng môi trường đầu tư thực sự hấp dẫn.

Trong điều kiện hội nhập, các ĐKKT cần một cơ chế chính sách phát triển riêng, đặc thù theo hướng tự do hóa, cởi mở, thông thoáng, giảm thiểu sự can thiệp hành chính của nhà nước, phù hợp thông lệ quốc tế là bước đột phá, quyết định sự thành công của mô hình ĐKKT.

3.3.3. Về vấn đề quản lý nhà nước đối với đặc khu kinh tế

Vấn đề quản lý nhà nước đối với ĐKKT vừa có ý nghĩa nhằm đảm bảo cho sự phát triển ổn định và lành mạnh của ĐKKT cũng như đối với các vùng còn lại của đất nước, vừa có tác động nhất định đối với môi trường đầu tư. Do đó, vấn đề này cần được nghiên cứu và xem xét một cách kỹ lưỡng và thận trọng.

Vận dụng kinh nghiệm trên của Trung Quốc, trong quá trình xây dựng và vận hành các ĐKKT, chúng ta cần mạnh dạn trao quyền tự chủ cho các ĐKKT với các cấp độ khác nhau phù hợp với tình hình thực tế của từng ĐKKT.

3.4.4. Trong quá trình triển khai, cần thường xuyên tổng kết thực tiễn phát triển của các đặc khu kinh tế

Cho tới nay, Việt Nam đã thành lập nhiều loại hình khu kinh tế từ các khu nằm sâu trong nội địa như KCN, KCN, KCNC đến các khu kinh tế cửa khẩu và khu kinh tế mở... Việc xem xét một cách nghiêm túc hiệu quả hoạt động của các loại hình khu kinh tế này cũng là cơ sở quan trọng để đưa ra các quyết sách đối với việc xây dựng ĐKKT.

Trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành các ĐKKT, nên lựa chọn mô hình thí điểm; đồng thời, phải thường xuyên tổng kết, rút kinh nghiệm, từ đó có những điều chỉnh phù hợp và có lợi cho sự phát triển của các ĐKKT.

3.4.5. Có các chính sách khuyến khích Việt kiều đầu tư vào đặc khu kinh tế

Những vấn đề được coi là trở ngại trong việc thu hút đầu tư của kiều bào ở nước ta là thủ tục hành chính và môi trường đầu tư.

Từ kinh nghiệm của Trung Quốc, chúng ta cần có những chính sách thông thoáng và cởi mở hơn, đi kèm với nó là sự minh bạch, rõ ràng trong quá trình thực thi để thu hút Việt kiều về nước. Người Việt Nam ta có câu “an cư mới lạc nghiệp”. Do vậy, những chính sách liên quan đến thủ tục nhập cảnh, đến vấn đề nhà ở, chế độ đãi ngộ đối với người tài... sẽ là những giải pháp mang tính lâu dài và hiệu quả trong việc thu hút kiều bào về nước. Các ĐKKT ra đời cùng với các chính sách trên sẽ thực sự là địa

chỉ đầu tư hấp dẫn đối lực lượng Việt kiều và người Việt Nam hiện đang sinh sống ở nước ngoài.

KẾT LUẬN

Theo dòng phát triển của nền kinh tế thế giới, các khu kinh tế xuất hiện từ rất sớm và ngày càng phát triển cả về số lượng lẫn hình thức biểu hiện (cảng tự do, khu thương mại tự do, KCN, KCX, KCNC...). Đặc khu kinh tế là một loại hình khu kinh tế hoạt động tổng hợp, được tổ chức như một đơn vị hành chính đặc biệt, có dân cư sinh sống với đầy đủ các ngành nghề của một nền kinh tế quốc dân. Đặc khu kinh tế được coi là “cửa ngõ” giao lưu với bên ngoài và đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của một quốc gia.

Trung Quốc là quốc gia vận dụng thành công mô hình này trong quá trình cải cách nền kinh tế. Mở đầu thời kỳ cải cách (năm 1978), Trung Quốc đã quyết định thành lập 5 ĐKKT là Thâm Quyển, Chu Hải, Sán Đầu, Hạ Môn và Hải Nam.

Sau hơn hai thập kỷ xây dựng và phát triển, các ĐKKT của Trung Quốc đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể, đóng góp xứng đáng vào sự phát triển chung của kinh tế Trung Quốc. Các ĐKKT đã thể hiện xuất sắc vai trò là “phòng thí nghiệm” trong quá trình cải cách, mở cửa nền kinh tế Trung Quốc.

Là một nước láng giềng, có những điều kiện kinh tế- xã hội tương đồng với Trung Quốc, với những kinh nghiệm bước đầu trong việc mở rộng kinh tế đối ngoại, Việt Nam có đầy đủ điều kiện và khả năng vận dụng kinh nghiệm của Trung Quốc trong việc xây dựng các ĐKKT.